

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST

Ngày 30/01/2026

V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - PHÚ THỌ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mai và bà Nguyễn Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Mai - Thư ký Tòa án

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2025/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Đinh Xuân L** - Sinh năm 1987

Trú tại: Tổ G, phường T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

- Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Ngọc Á** - Sinh năm 1999

Cư trú tại: Xóm N, xã M, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Đinh Xuân L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Xuân L kết hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình ngày 04/12/2018 (Nay là UBND phường T, tỉnh Phú Thọ). Quá trình chung sống giữa hai bên nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên nảy sinh cãi vã, chị Á về nhà ngoại ở xóm N, xã M, tỉnh Phú Thọ để sinh sống, anh chị sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn gia đình trầm trọng, không thể hàn gắn, anh đề nghị Tòa giải quyết ly hôn với chị Á để anh ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh Đinh Xuân L và chị Nguyễn Thị Ngọc Á có hai con chung, cháu lớn tên là Đinh Ngọc Q, sinh ngày 12/9/2019, cháu thứ hai tên là Đinh Huyền A,

sinh ngày 28/10/2021. Trong khoảng thời gian ly thân chị Á tự ý chuyển khẩu của chị và các con về nhà ngoại ở xã N, huyện C (Nay là xã M, tỉnh Phú Thọ) mà không hỏi ý kiến của anh và gia đình anh. Nay vợ chồng ly hôn nguyện vọng của anh L muốn được trực tiếp nuôi cháu Ngọc Q, chị Á sẽ nuôi cháu Huyền A, anh chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Hiện tại anh đang làm lái xe dịch vụ, lương tháng trung bình khoảng 15.000.000đ/tháng chưa kể tiền làm thêm, tăng ca nên anh đủ khả năng kinh tế để nuôi con. Nếu được quyền nuôi con anh và con sẽ ở nhà riêng của anh ở tại phường T, tỉnh Phú Thọ, có sự hỗ trợ chăm sóc của mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1964, nhà bố mẹ anh cũng ở gần đó, công việc của anh là lái xe nên có thể linh động về thời gian, sắp xếp thời gian đưa đón con đi học, nếu bận sẽ có ông bà nội đón, trường học cách nhà khoảng 500m nên tiện cho việc đưa đón con.

- *Về tài sản chung và công nợ chung:* Vợ chồng anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn, chị Á không phải nộp.

2. *Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc Á trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Đinh Xuân L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố H ngày 04/12/2018 (nay là phường T, tỉnh Phú Thọ). Quá trình chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh L có mối quan hệ với người phụ nữ khác, bản thân anh không quan tâm đến gia đình dẫn đến việc hai bên thường xuyên nảy sinh cãi vã. Chị về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2025 đến nay. Nay anh L làm đơn ly hôn quan điểm của chị cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì vậy chị đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh chị có hai con chung, cháu lớn tên là Đinh Ngọc Q, sinh ngày 12/9/2019, cháu thứ hai tên là Đinh Huyền A, sinh ngày 28/10/2021, nguyện vọng của chị muốn được trực tiếp nuôi hai con vì hiện tại các con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ, khoảng một vài năm nữa khi con lớn hơn nếu con muốn ở với bố chị cũng đồng ý. Tuy nhiên nếu anh L kiên quyết tranh chấp về vấn đề nuôi con, nguyện vọng của chị muốn được trực tiếp nuôi cháu Huyền A, vì cháu là con gái, còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Hiện tại chị đang làm nhân viên của Công ty A1 chi nhánh H ở phường H, tỉnh Phú Thọ. Mức lương khoảng 10.000.000đ/tháng chưa kể tiền làm thêm nên chị có đủ khả năng kinh tế để nuôi con. Nếu được nhận nuôi con chị và con sẽ ở với bà ngoại tại xóm N, xã M tỉnh Phú Thọ. Nhà bà ngoại cách công ty chị làm khoảng 15km, công việc của chị làm theo giờ hành chính sáng đi chiều về nên chị vẫn đảm bảo được việc chăm sóc con, đưa đón con đi học, hôm nào có việc đột xuất thì bà ngoại đón con. Chị thừa nhận trong khoảng thời gian chung sống với bố mẹ chồng và anh L, bố mẹ anh L cũng yêu

thương, quan tâm chị và giúp anh chị chăm sóc các con. Việc chị chuyển khẩu cho chị và các con vào C là do khi xảy ra mâu thuẫn giữa chị và anh L vợ chồng sống ly thân để hai bên có thời gian suy nghĩ, tuy nhiên sau một thời gian về ngoại, muốn cho con được học hành nên chị đã xin giấy tạm trú để con được học, khi anh L làm đơn ly hôn thì chị mới quyết định chuyển khẩu hẳn cho các con vì cũng là thời điểm vào đầu năm học, chị cũng đã nói chuyện với ông bà nội về việc chuyển khẩu cho con để con được đi học. Chị Á chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về tài sản chung, công nợ chung:* Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết

- *Về án phí:* Anh Linh tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn chị nhất trí.

3. *Quá trình giải quyết vụ việc ly hôn, Tòa án đã thu thập chứng cứ, tiến hành điều tra xác minh tại địa phương, kết quả như sau:*

- Tại Biên bản xác minh ngày 22/8/2025 đối với ông tổ trưởng tổ dân phố số G, phường T, tỉnh Phú Thọ, ông cung cấp như sau: Anh Đinh Xuân L và chị Nguyễn Thị Ngọc Á kết hôn và cưới hỏi theo phong tục địa phương, chị Á sinh sống ở huyện C, tỉnh Hòa Bình (Nay là xã M, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn chị chuyển ra ở cùng với anh L và bố mẹ anh tại phường T, thành phố H (Nay là phường T, tỉnh Phú Thọ) từ năm 2018. Việc vợ chồng anh chị mâu thuẫn ông không nắm rõ vì anh chị không khai báo chính quyền địa phương chỉ biết hiện tại anh chị đang sống ly thân.

Anh L1 và chị Á có hai con chung là cháu Đinh Ngọc Q và cháu Đinh Huyền A, **năm 2025** chị và các con đã chuyển về sinh sống tại nhà ngoại ở xã M, tỉnh Phú Thọ. Hiện tại anh L1 có nguyện vọng được nuôi cháu Ngọc Q, chị Á có nguyện vọng được nuôi cháu Ngọc Q và Huyền A, theo như xác nhận của ông trong thời gian anh chị chung sống tại phường T, gia đình anh L1 và anh L1 đã nuôi dạy các cháu rất tốt, bản thân anh L1 là người cha phải có trách nhiệm với con, nếu một mình chị Á nuôi con sẽ rất vất vả, mặt khác nhà anh L1 gần trường mầm non, trường tiểu học và trung học nên rất thuận lợi cho việc đưa đón các cháu đi học. Ở địa phương anh L1 cũng là người chịu khó làm ăn, không xa vào tệ nạn xã hội, chấp hành tốt pháp luật của Đảng và Nhà nước

Tại Biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1964, là mẹ đẻ anh Đinh Xuân L có nội dung như sau: Anh L1 và chị Á có đăng ký kết hôn và cưới hỏi theo phong tục địa phương năm 2018, Á là người trong C, sau khi kết hôn Á chuyển khẩu về chung sống với L1 và vợ chồng bà ở tổ G, phường T, thành phố H (Nay là tổ G, phường T, tỉnh Phú Thọ). Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do kinh tế khó khăn nên giữa hai vợ chồng có xảy ra cãi vã, **đến năm 2025** Á không xin phép vợ chồng bà mà tự ý chuyển khẩu của Á và hai con, chuyển trường cho con về C sinh sống, Á và L1 hiện tại đang sống ly thân.

Á và L1 có hai con chung là cháu Đinh Ngọc Q sinh năm 2019, Đinh Huyền A sinh năm 2021, từ khi sinh con vợ chồng L1, Á đều sống cùng ông bà, bà là người trực tiếp chăm sóc hai cháu nên dành nhiều tình cảm cho các cháu, khi Á đưa hai con vào C gia đình bà rất nhớ và thương cháu, bản thân các cháu cũng muốn ở với bố và ông bà nội, nguyện vọng của bà và gia đình nếu L1 và Á ly hôn mong Tòa xem xét cho L1 được nuôi con, nhà bà gần trường học nên thuận tiện cho việc học của các cháu, nếu một mình Á nuôi cả hai con sẽ rất vất vả vì hiện tại Á đi làm tại công ty cách nhà 15km, sáng đi tối về nên cũng không có nhiều thời gian chăm con, phụ thuộc vào bà ngoại mà bà ngoại đang đi làm. Hiện tại bà bán quán ngay ở nhà nên vẫn phụ giúp bố cháu chăm sóc các cháu khi bố cháu bận đi làm, đưa đón các cháu đi học.

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các bên đương sự vẫn không thống nhất quay về đoàn tụ.

Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu của mình cũng như đã khai trong bản tự khai, trong biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các bên đương sự không xuất trình chứng cứ mới hoặc phát sinh những tình tiết mới của vụ án tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71. Bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 55, 58; 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội (sửa đổi Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015); Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Xuân L và chị Nguyễn Thị Ngọc Á.

- Về con chung: Giao cháu Đinh Ngọc Q, sinh ngày 12/9/2019 cho anh Đinh Xuân L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi cháu Đinh Ngọc Q đủ 18 tuổi. Giao cháu Đinh Huyền A, sinh ngày 28/10/2021 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi cháu Đinh Huyền A đủ 18 tuổi. Các bên chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Căn cứ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân, nuôi con. Bị đơn có nơi cư trú tại xóm N, xã M, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội (*sửa đổi Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*).

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đinh Xuân L và chị Nguyễn Thị Ngọc Á được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên nảy sinh cãi vã, chị Á về nhà ngoại ở xóm N, xã M, tỉnh Phú Thọ để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Phía bị đơn chị Á cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh L có mối quan hệ với người phụ nữ khác, bản thân anh không quan tâm đến gia đình dẫn đến việc hai bên thường xuyên nảy sinh cãi vã, nay anh L đơn ly hôn quan điểm của chị Á mâu thuẫn vợ chồng hết sức trầm trọng, vì vậy chị đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị Á đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên cả hai bên đều có nguyện vọng ly hôn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Xuân L và chị Nguyễn Thị Ngọc Á là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét thấy, anh Đinh Xuân L và chị Nguyễn Thị Ngọc Á có hai con chung là cháu Đinh Ngọc Q, sinh ngày 12/9/2019 và cháu Đinh Huyền A, sinh ngày 28/10/2021. Quá trình giải quyết vụ án cho thấy, các bên không thống nhất được việc trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Đinh Ngọc Q; chị Á có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con, tuy nhiên trong trường hợp anh L kiên quyết tranh chấp thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Đinh Huyền A vì cháu còn nhỏ và là con gái, cần sự chăm sóc gần gũi của mẹ. Các bên đều chưa đặt ra yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L và chị Á đều cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện kinh tế của mình. Theo sao kê tài khoản do anh L cung cấp, thu nhập của anh trong thời gian từ tháng 8/2025 đến tháng 12/2025 dao động trung bình từ 15.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng/tháng. Chị Á cung cấp phiếu chi lương từ tháng 9/2025 đến tháng 11/2025 với mức thu nhập trung bình từ 10.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng/tháng. Như vậy, xét về điều kiện kinh tế, cả hai bên đều có khả năng bảo đảm việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi không chỉ căn cứ vào điều kiện kinh tế mà phải xem xét toàn diện các yếu tố nhằm bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con, bao gồm điều kiện chăm sóc, môi trường sống, sự ổn định về nơi ở, học tập và sự phát triển thể chất, tinh thần của trẻ.

Tại Biên bản xác minh đối với tổ trưởng tổ dân phố nơi anh L cư trú thể hiện: Trong thời gian chung sống, chị Á đã chuyển về sinh sống cùng anh L và gia đình nhà chồng, từ khi các cháu được sinh ra, anh L và gia đình bên nội đã trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu chu đáo. Bản thân anh L được địa phương đánh giá là người có trách nhiệm với con, chăm chỉ lao động, không vi phạm pháp luật, không mắc các tệ nạn xã hội. Mặt khác, nơi ở của anh L gần các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, đưa đón và ổn định sinh hoạt lâu dài của các cháu.

Đồng thời, tại các buổi làm việc và trong quá trình hòa giải, chị Á cũng thừa nhận rằng trong trường hợp phải tranh chấp việc nuôi con, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Đình Huyền A vì cháu còn nhỏ, là con gái, cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn.

Xét thấy, cháu Đình Ngọc Q sinh năm 2019 đã qua giai đoạn cần sự chăm sóc đặc biệt như trẻ dưới 36 tháng tuổi; trong khi đó cháu Đình Huyền A, sinh năm 2021 hiện còn nhỏ, cần sự chăm sóc gần gũi, trực tiếp của người mẹ để bảo đảm sự phát triển về thể chất và tâm sinh lý. Mặt khác, cả hai bên đều có điều kiện kinh tế ổn định, do đó việc giao mỗi bên trực tiếp nuôi một con vừa bảo đảm phù hợp với độ tuổi, nhu cầu chăm sóc của từng cháu, vừa duy trì trách nhiệm, nghĩa vụ của cả cha và mẹ đối với con chung sau khi ly hôn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Đình Ngọc Q, sinh ngày 12/9/2019 cho anh Đình Xuân L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Đình Huyền A, sinh ngày 28/10/2021 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Huyền A đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu.

Do các bên chưa đặt ra yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một trong hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh L1 và chị Á đều khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Đinh Xuân L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội (*Sửa đổi bổ sung Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*);

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Xuân L và chị Nguyễn Thị Ngọc Á.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Ngọc Q sinh ngày 12/9/2019 cho anh Đinh Xuân L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi cháu Đinh Ngọc Q đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Giao cháu Đinh Huyền A, sinh ngày 28/10/2021 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Á trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi cháu Đinh Huyền A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Các bên chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đinh Xuân L phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004383 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND KV 12 - Phú Thọ;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND phường Thống Nhất;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA